

Bản án: 03/2025/ HNGĐ - ST
Ngày 17/01/2025

“ V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lã Văn Minh;

2. Bà Vi Thị Tú;

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:** Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXX- ST ngày 17 tháng 12 năm 2024; theo Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị N, sinh năm 1985; có mặt
Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện S, Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; có mặt
Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện S, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn cùng với ông Nguyễn Văn H vào năm 2002, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, sau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang ngày 29/9/2004. Cưới xong hai vợ chồng cùng nhau sinh sống tại gia đình ông H tại thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2012 thì vợ chồng cùng nhau chuyển về Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang làm ăn sinh sống kể từ đó cho đến nay, quá trình chung sống tình cảm ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn đã phát sinh từ đầu năm 2021, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau, không bảo ban được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế và thi thoảng ông H có đánh bà. Gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không thành.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông H được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông H có 03 con chung là cháu Nguyễn Trường C, sinh năm 2002, cháu Nguyễn Văn Hùng P, sinh ngày 11/10/2009 và cháu Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 16/4/2016. Cháu C hiện nay đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn 02 cháu nhỏ hiện nay cả 02 cháu đều đang ở cùng với ông H; nếu ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị Như Ý, còn cháu Nguyễn Văn H1 P giao cho ông H theo nguyện vọng của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con bà không có yêu cầu. Hiện nay bà đang làm công nhân thu nhập mỗi tháng khoảng 9.000.0000/tháng và hiện đang chung sống cùng bố mẹ đẻ, bà đảm bảo việc nuôi con khi được giao.

Về tài sản, công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

[2] Những lời khai của bị đơn ông Nguyễn Văn H tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn cùng với bà Phạm Thị N vào năm 2002, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, sau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang ngày 29/9/2004. Cưới xong hai vợ chồng cùng nhau sinh sống tại gia đình ông tại thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2012 thì vợ chồng cùng nhau chuyển về Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện S làm ăn sinh sống kể từ đó cho đến nay, quá trình chung sống tình cảm ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn đã phát sinh từ đầu năm 2021, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, không bảo ban được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà N đề nghị ly hôn ông nhất trí.

Về con chung: Ông và bà N có 03 con chung là cháu Nguyễn Trường C, sinh năm 2002, cháu Nguyễn Văn Hùng P, sinh ngày 11/10/2009 và cháu Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 16/4/2016. Cháu C hiện nay đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn 02 cháu nhỏ hiện nay cả 02 cháu đều đang ở cùng với ông, nếu ly hôn ông có nguyện vọng được nuôi cả 02 cháu Nguyễn Thị Như Ý và cháu Nguyễn Văn Hùng P Về cấp dưỡng nuôi con ông không có yêu cầu. Hiện nay ông đang làm nghề lao động tự do, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 6.000.0000/tháng và có nhà ở riêng, ông đảm bảo việc nuôi con khi được giao.

Về tài sản, công nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

[3] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự là vi phạm.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19; khoản 1 Điều 51; Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn H được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 16/4/2016. Giao cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Văn Hùng P, sinh ngày 11/10/2009; Về cấp dưỡng nuôi con ông H, bà N không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H; ông H hiện có hộ khẩu thường trú tại huyện S. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn H cả hai đều có mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N kết hôn với ông Nguyễn Văn H năm 2002, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, sau khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 29 tháng 9 năm 2004 phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Sau khi cưới tại thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2012 thì vợ chồng cùng nhau chuyển về Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang làm ăn sinh sống kể từ đó cho đến nay, quá trình chung sống tình cảm ban đầu hòa thuận hạnh phúc; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị Phạm Thị N vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, không bảo ban được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế và thi thoảng anh H có đánh đập bà; ông H cũng nhất trí với lời trình bày của chị N là đúng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Xét thấy: Bà N và ông H đã xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, hai bên đã không quan tâm giúp đỡ đến nhau, không cùng chăm sóc, nuôi dạy con chung cũng như đã ly thân nhau về mặt tình cảm được một khoảng thời gian và cả hai không giải hòa được. Bà N và ông H đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N xin ly hôn ông H nhất trí. Từ những phân tích trên, căn cứ vào các quy định của pháp luật theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, cho bà N và ông H được ly hôn nhau.

Về con chung: Bà N và ông H có 03 con chung là cháu Nguyễn Trường C, sinh năm 2002, cháu Nguyễn Văn Hùng P, sinh ngày 11/10/2009 và cháu Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 16/4/2016. Cháu C hiện nay đã trưởng thành, cháu P và cháu Ý hiện đang ở cùng với ông H. Chị N có nguyện vọng được nuôi cháu Ý, cháu Ý cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, ông H có nguyện vọng được nuôi cả hai

cháu, cháu P có nguyện vọng được ở với bố. Để đảm bảo quyền của bà mẹ và trẻ em, chia sẻ trách nhiệm của bố mẹ đối với các con cũng như quyền lợi về mọi mặt của con nên yêu cầu của bà N được chấp nhận, yêu cầu của ông H được chấp nhận một phần theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, giao cho bà Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Như Ý, giao cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Văn Hùng P là hợp lý. Do bà N và ông H đều không yêu cầu hai bên cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Bà N và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị N thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19; khoản 1 Điều 51; Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn H được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 16/4/2016. Giao cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Văn Hùng P, sinh ngày 11/10/2009. Về cấp dưỡng nuôi con bà N và ông H đều không có yêu cầu nên không đặt xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của ông H, bà N hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] *Về án phí:* Bà Phạm Thị N được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Trường Sơn, h.Lục Nam;
- Lưu .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn